TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **20**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 5 - 2022
"V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu Trang**

2. Bà **Trần Thị Mộng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGD, ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp H, xã T Y A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp M, xã T Y A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H có mặt; anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Chị H và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, anh chị có thực hiện việc Đ ký kết hôn tại tại UBND T Y A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 28/11/2014.

Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, anh Đ có tính hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lân nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân cuối năm 2020 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/11/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/3/2020 chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày. Anh Đ vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ; Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/11/2014 (Theo nguyện vọng cháu N) và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/3/2020 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung".

Chị H kết hôn với anh Đ trên cơ sở tự nguyện và đã thực hiện việc Đ ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T Y A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/11/2014, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do, anh Đ có ý kiến là không muốn ly hôn xin đoàn tụ gia đình nhưng anh Đ không đến Tòa án để hòa giải, không thể hiện hiện ý chí hàn gắn hôn nhân, vợ chồng đã tự ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không còn quan tâm chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/11/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/3/2020, chị H xin nuôi 02 người con và anh Đ cũng đồng ý giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng. Cháu Nhân có ngu.yện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thành Nhân, sinh ngày 06/11/2014 và cháu Nguyễn Minh Đ cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/11/2014 (Theo nguyện vọng cháu N) và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/3/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đươc ngăn cản, tuy nhiên anh Đ không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004600 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi Đ ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm